

**QUYẾT ĐỊNH CỦA TRƯỞNG VPĐD CÔNG TY
CỔ PHẦN PHẦN MỀM BRAVO TẠI ĐÀ NẴNG**

(V/v thay đổi "bậc/dãi lương" cho các CBNV văn phòng BRAVO Đà Nẵng)

- Căn cứ giấy phép thành lập công ty số 4667/GP-UB ký ngày 07/10/1999 của UBND TP Hà nội và giấy phép đăng ký kinh doanh số 0100947771 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà nội.
- Căn cứ vào điều lệ, nội quy công ty.
- Xét tình hình thực tế.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Kể từ ngày 01/04/2025 giá trị các bậc/dãi lương của các CBNV đang làm việc tại BRAVO-DN được thay đổi (tăng so với mức trước đây), cụ thể như sau:

a) Giá trị các bậc/dãi lương mới của CBNV Khối Kinh doanh:

Bậc	Dãi lương (đơn vị tính: Nghìn đồng)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0	Mức lương thử việc sẽ bằng 85% giá trị bậc/dãi lương khởi điểm (Các CBNV tuyển dụng sẽ xác định trình độ và bậc/dãi lương khởi điểm của các ứng viên)									
1	9,400	10,350	11,300	12,250	13,200	14,150	15,100	16,050	17,000	17,950
2	18,900	19,900	20,900	21,900	22,900	23,900	24,900	25,900	26,900	27,900
3	28,900	29,900	30,900	31,900	32,900	33,900	34,900	35,900	36,900	37,900
4	38,900	40,900	42,900	44,900	46,900	48,900	50,900	52,900	54,900	56,900
5	58,900	60,900	62,900	64,900	66,900	68,900	70,900	72,900	74,900	76,900
6	78,900	81,100	83,300	85,500	87,700	89,900	92,100	94,300	96,500	98,700
7	100,900	103,100	105,300	107,500	109,700	111,900	114,100	116,300	118,500	120,700
X	Ngoài bậc: Sẽ được Lãnh đạo công ty xem xét từng trường hợp cụ thể (thời gian xét lương là 12 tháng)									

Ghi chú: Thời gian xét "Bậc 1, 2, 3 là 6 tháng; Bậc 4, 5, 6, 7 là 12 tháng"

b) Giá trị các bậc/dãi lương mới của CBNV "Phòng Giải pháp và Tư vấn"

Bậc	Dãi lương (đơn vị tính: Nghìn đồng)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0	Mức lương thử việc sẽ bằng 85% giá trị bậc/dãi lương khởi điểm (Các CBNV tuyển dụng sẽ xác định trình độ và bậc/dãi lương khởi điểm của các ứng viên)									
1	9,900	10,850	11,800	12,750	13,700	14,650	15,600	16,550	17,500	18,450
2	19,400	20,400	21,400	22,400	23,400	24,400	25,400	26,400	27,400	28,400

3	29,400	30,400	31,400	32,400	33,400	34,400	35,400	36,400	37,400	38,400
4	39,400	41,500	43,600	45,700	47,800	49,900	52,000	54,100	56,200	58,300
5	60,400	62,500	64,600	66,700	68,800	70,900	73,000	75,100	77,200	79,300
6	81,400	83,600	85,800	88,000	90,200	92,400	94,600	96,800	99,000	101,200
7	103,400	105,600	107,800	110,000	112,200	114,400	116,600	118,800	121,000	123,200
X	Ngoài bậc: Sẽ được Lãnh đạo công ty xem xét từng trường hợp cụ thể (thời gian xét lương là 12 tháng)									

Ghi chú: Thời gian xét "Bậc 1, 2, 3 là 6 tháng; Bậc 4, 5, 6, 7 là 12 tháng"

c) Giá trị các bậc/dãi lương mới của CBNV "Khởi Kỹ thuật Triển khai":

Bậc	Dãi lương (đơn vị tính: Nghìn đồng)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0	Mức lương thử việc sẽ bằng 85% giá trị bậc/dãi lương khởi điểm (Các CBNV tuyển dụng sẽ xác định trình độ và bậc/dãi lương khởi điểm của các ứng viên)									
1	9,400	10,350	11,300	12,250	13,200	14,150	15,100	16,050	17,000	17,950
2	18,900	19,900	20,900	21,900	22,900	23,900	24,900	25,900	26,900	27,900
3	28,900	29,900	30,900	31,900	32,900	33,900	34,900	35,900	36,900	37,900
4	38,900	40,900	42,900	44,900	46,900	48,900	50,900	52,900	54,900	56,900
5	58,900	60,900	62,900	64,900	66,900	68,900	70,900	72,900	74,900	76,900
6	78,900	81,100	83,300	85,500	87,700	89,900	92,100	94,300	96,500	98,700
7	100,900	103,100	105,300	107,500	109,700	111,900	114,100	116,300	118,500	120,700
X	Ngoài bậc: Sẽ được Lãnh đạo công ty xem xét từng trường hợp cụ thể (thời gian xét lương là 12 tháng)									

Ghi chú: Thời gian xét "Bậc 1, 2, 3 là 6 tháng; Bậc 4, 5, 6, 7 là 12 tháng"

d) Giá trị các bậc/dãi lương mới của CBNV "Phòng Bảo hành":

Bậc	Dãi lương (đơn vị tính: Nghìn đồng)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0	Mức lương thử việc sẽ bằng 85% giá trị bậc/dãi lương khởi điểm (Các CBNV tuyển dụng sẽ xác định trình độ và bậc/dãi lương khởi điểm của các ứng viên)									
1	9,400	10,350	11,300	12,250	13,200	14,150	15,100	16,050	17,000	17,950
2	18,900	19,900	20,900	21,900	22,900	23,900	24,900	25,900	26,900	27,900
3	28,900	29,900	30,900	31,900	32,900	33,900	34,900	35,900	36,900	37,900
4	38,900	40,900	42,900	44,900	46,900	48,900	50,900	52,900	54,900	56,900
5	58,900	60,900	62,900	64,900	66,900	68,900	70,900	72,900	74,900	76,900
6	78,900	81,100	83,300	85,500	87,700	89,900	92,100	94,300	96,500	98,700
7	100,900	103,100	105,300	107,500	109,700	111,900	114,100	116,300	118,500	120,700
X	Ngoài bậc: Sẽ được Lãnh đạo công ty xem xét từng trường hợp cụ thể (thời gian xét lương là 12 tháng)									

Ghi chú: Thời gian xét "Bậc 1, 2, 3 là 6 tháng; Bậc 4, 5, 6, 7 là 12 tháng"

e) Giá trị các bậc/dãi lương mới của CBNV "Phòng Kiểm thử sản phẩm (Test)":

Bậc	Dãi lương (đơn vị tính: Nghìn đồng)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0	Mức lương thử việc sẽ bằng 85% giá trị bậc/dãi lương khởi điểm (Các CBNV tuyển dụng sẽ xác định trình độ và bậc/dãi lương khởi điểm của các ứng viên)									
1	9,400	10,250	11,100	11,950	12,800	13,650	14,500	15,350	16,200	17,050
2	17,900	18,800	19,700	20,600	21,500	22,400	23,300	24,200	25,100	26,000
3	26,900	27,800	28,700	29,600	30,500	31,400	32,300	33,200	34,100	35,000
4	35,900	37,700	39,500	41,300	43,100	44,900	46,700	48,500	50,300	52,100
5	53,900	55,700	57,500	59,300	61,100	62,900	64,700	66,500	68,300	70,100
6	71,900	73,900	75,900	77,900	79,900	81,900	83,900	85,900	87,900	89,900
7	91,900	93,900	95,900	97,900	99,900	101,900	103,900	105,900	107,900	109,900
X	Ngoài bậc: Sẽ được Lãnh đạo công ty xem xét từng trường hợp cụ thể (thời gian xét lương là 12 tháng)									

Ghi chú: Thời gian xét "Bậc 1, 2, 3 là 6 tháng; Bậc 4, 5, 6, 7 là 12 tháng"

f) Giá trị các bậc/dãi lương mới của CBNV "Phòng Công nghệ":

Bậc	Dãi lương (đơn vị tính: Nghìn đồng)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0	Mức lương thử việc sẽ bằng 85% giá trị bậc/dãi lương khởi điểm (Các CBNV tuyển dụng sẽ xác định trình độ và bậc/dãi lương khởi điểm của các ứng viên)									
1	13,800	15,100	16,400	17,700	19,000	20,300	21,600	22,900	24,200	25,500
2	26,800	28,100	29,400	30,700	32,000	33,300	34,600	35,900	37,200	38,500
3	39,800	41,100	42,400	43,700	45,000	46,300	47,600	48,900	50,200	51,500
4	52,800	55,300	57,800	60,300	62,800	65,300	67,800	70,300	72,800	75,300
5	77,800	80,300	82,800	85,300	87,800	90,300	92,800	95,300	97,800	100,300
6	102,800	105,500	108,200	110,900	113,600	116,300	119,000	121,700	124,400	127,100
7	129,800	132,500	135,200	137,900	140,600	143,300	146,000	148,700	151,400	154,100
X	Ngoài bậc: Sẽ được Lãnh đạo công ty xem xét từng trường hợp cụ thể (thời gian xét lương là 12 tháng)									

Ghi chú: Thời gian xét "Bậc 1, 2, 3 là 6 tháng; Bậc 4, 5, 6, 7 là 12 tháng"

g) Giá trị các bậc/dãi lương mới của CBNV "Giám đốc" hoặc "phó giám đốc" công ty:

Bậc	Dãi lương (đơn vị tính: Nghìn đồng)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0	Mức lương thử việc sẽ bằng 85% giá trị bậc/dãi lương khởi điểm (Các CBNV tuyển dụng sẽ xác định trình độ và bậc/dãi lương khởi điểm của các ứng viên)									
1	11,500	13,100	14,700	16,300	17,900	19,500	21,100	22,700	24,300	25,900

2	27,500	29,100	30,700	32,300	33,900	35,500	37,100	38,700	40,300	41,900
3	43,500	45,200	46,900	48,600	50,300	52,000	53,700	55,400	57,100	58,800
4	60,500	63,600	66,700	69,800	72,900	76,000	79,100	82,200	85,300	88,400
5	91,500	94,600	97,700	100,800	103,900	107,000	110,100	113,200	116,300	119,400
6	122,500	125,600	128,700	131,800	134,900	138,000	141,100	144,200	147,300	150,400
7	153,500	156,600	159,700	162,800	165,900	169,000	172,100	175,200	178,300	181,400
X	Ngoài bậc: Sẽ được Lãnh đạo công ty xem xét từng trường hợp cụ thể (thời gian xét lương là 12 tháng)									

Ghi chú: Thời gian xét "Bậc 1, 2, 3 là 6 tháng; Bậc 4, 5, 6, 7 là 12 tháng"

h) Giá trị các bậc/dãi lương mới của CBNV thực hiện công việc Kế toán – Nhân sự – Hành chính – Lái xe (Quản lý tổng hợp - Khối SXKD gián tiếp):

k.1. Kế toán – nhân sự

- Bậc lương mới của các CBNV thực hiện công việc “Kế toán – Nhân sự” như sau:

STT	Bậc	Nội dung	Mức lương
1	Bậc 0	2 tháng từ lúc vào công ty (Thử việc = 85% bậc 1)	6,375,000
2	Bậc 1	4 tháng kể từ lúc tăng lương lần trước (+4 tháng)	7,500,000
3	Bậc 2	6 tháng kể từ lúc tăng lương lần trước (+6 tháng)	8,000,000
4	Bậc 3	6 tháng kể từ lúc tăng lương lần trước (+6 tháng)	8,500,000
5	Bậc 4	12 tháng kể từ lúc tăng lương lần trước (+12 tháng)	9,500,000
6	Bậc 5	12 tháng kể từ lúc tăng lương lần trước (+12 tháng)	10,500,000
7	Bậc 6	12 tháng kể từ lúc tăng lương lần trước (+12 tháng)	11,800,000
8	Bậc 7	12 tháng kể từ lúc tăng lương lần trước (+12 tháng)	13,300,000
9	Bậc XX	CBNV không thuộc bậc lương trên hoặc Ngoại bậc sẽ được Lãnh đạo công ty xem xét từng trường hợp cụ thể.	

k.2. Hành chính văn phòng – lái xe

- Bậc lương mới của các CBNV thực hiện công việc “Hành chính văn phòng – lái xe” như sau:

STT	Bậc	Nội dung	Mức lương
1	Bậc 0	2 tháng từ lúc vào công ty (Thử việc = 85% bậc 1)	5,695,000
2	Bậc 1	4 tháng kể từ lúc tăng lương lần trước (+4 tháng)	6,700,000
3	Bậc 2	6 tháng kể từ lúc tăng lương lần trước (+6 tháng)	7,200,000
4	Bậc 3	12 tháng kể từ lúc tăng lương lần trước (+12 tháng)	8,000,000
5	Bậc 4	12 tháng kể từ lúc tăng lương lần trước (+12 tháng)	8,500,000
6	Bậc 5	12 tháng kể từ lúc tăng lương lần trước (+12 tháng)	9,000,000
7	Bậc 6	12 tháng kể từ lúc tăng lương lần trước (+12 tháng)	9,600,000
8	Bậc 7	12 tháng kể từ lúc tăng lương lần trước (+12 tháng)	10,200,000
9	Bậc XX	CBNV không thuộc bậc lương trên hoặc Ngoại bậc sẽ được Lãnh đạo công ty xem xét từng trường hợp cụ thể.	

k.3. Chăm sóc khách hàng

- Bậc lương mới của các CBNV thực hiện công việc “Chăm sóc khách hàng” như sau:

STT	Bậc	Nội dung	Mức lương
1	Bậc 0	2 tháng từ lúc vào công ty (Thử việc = 85% bậc 1)	6,290,000
2	Bậc 1	6 tháng kể từ lúc tăng lương lần trước (+6 tháng)	7,400,000
3	Bậc 2	6 tháng kể từ lúc tăng lương lần trước (+6 tháng)	7,900,000
4	Bậc 3	6 tháng kể từ lúc tăng lương lần trước (+6 tháng)	8,400,000
5	Bậc 4	12 tháng kể từ lúc tăng lương lần trước (+12 tháng)	9,300,000
6	Bậc 5	12 tháng kể từ lúc tăng lương lần trước (+12 tháng)	10,300,000
7	Bậc 6	12 tháng kể từ lúc tăng lương lần trước (+12 tháng)	11,300,000
8	Bậc 7	12 tháng kể từ lúc tăng lương lần trước (+12 tháng)	12,300,000
9	Bậc XX	CBNV không thuộc bậc lương trên hoặc Ngoại bậc sẽ được Lãnh đạo công ty xem xét từng trường hợp cụ thể.	

Điều 2: Đối tượng, tiêu thức và cách thức áp dụng:

- + Áp dụng cho các CBNV đang và sẽ làm việc tại BRAVO-DN kể từ ngày 01/04/2025.
- + Các tiêu thức khác không thuộc nội dung điều chỉnh của quyết định này vẫn được thực hiện theo các quyết định (*qui định*) đã ban hành trước đây (*các quyết định hoặc qui định gần nhất*).

Điều 3: Ông Giám đốc Khối, Trưởng các bộ phận và phòng Quản lý Tổng hợp (Kế toán-CSHK-Hành chính-Nhân sự), cùng các CBNV đang làm việc tại BRAVO-DN chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận : - Như điều 4

- Lưu VP

TRƯỞNG VPĐD



NGUYỄN ĐỨC SƠN